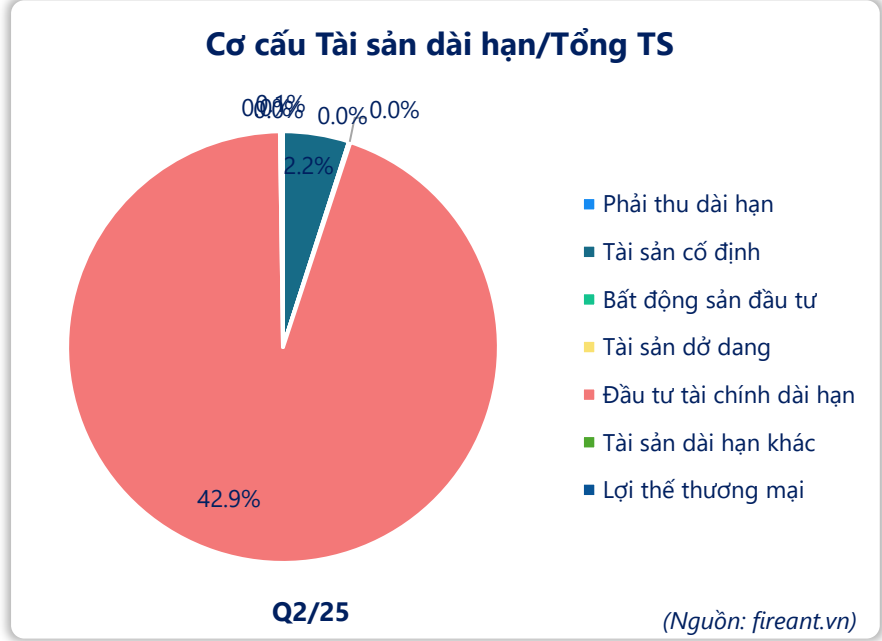
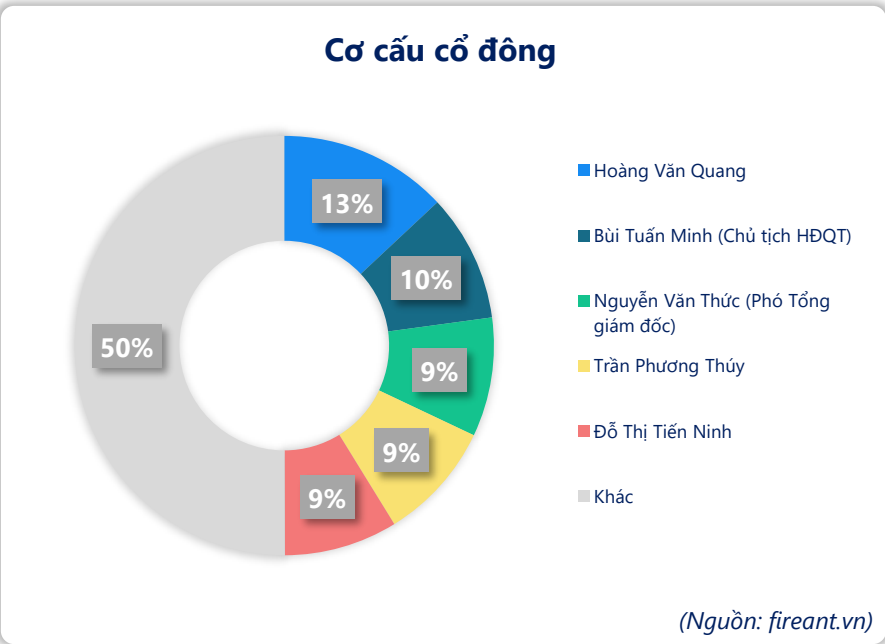
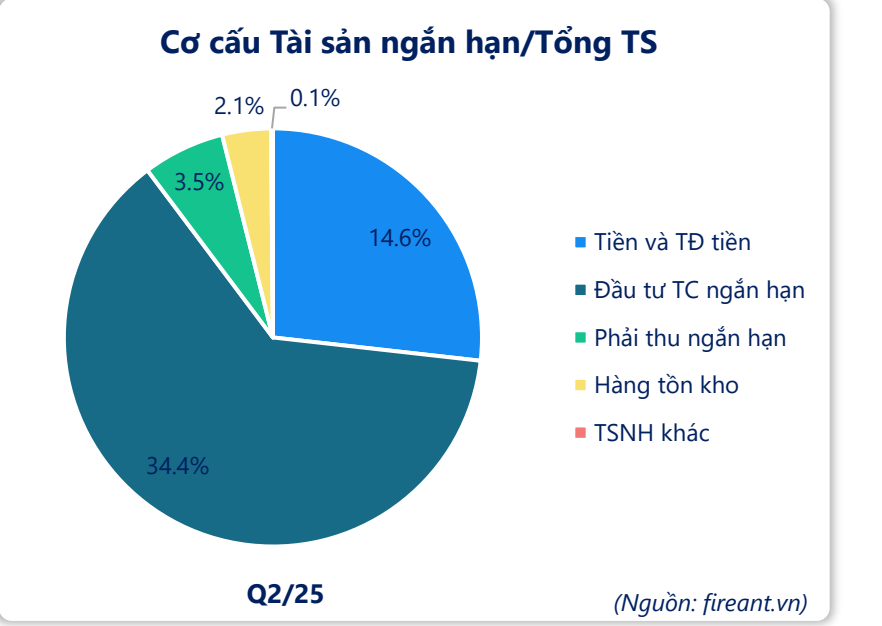
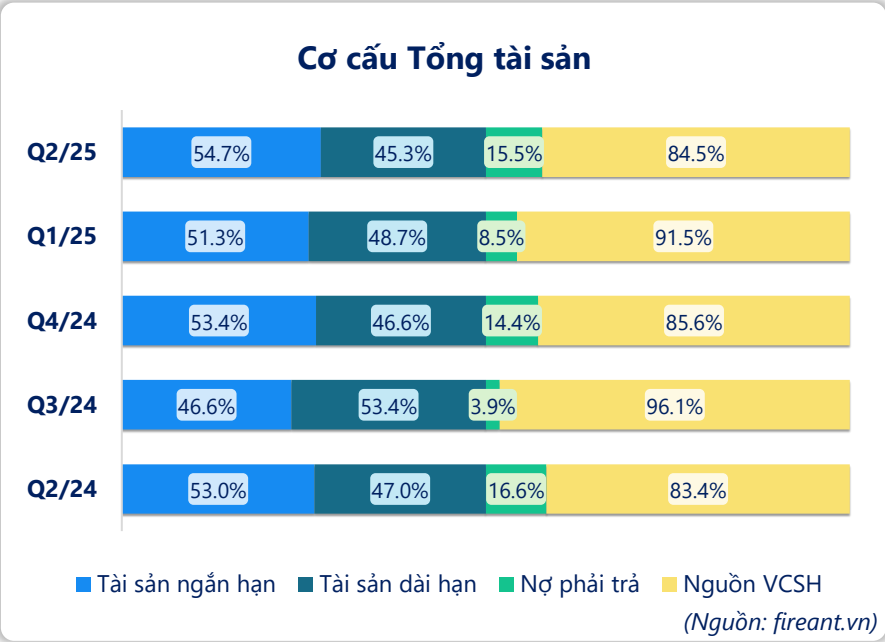
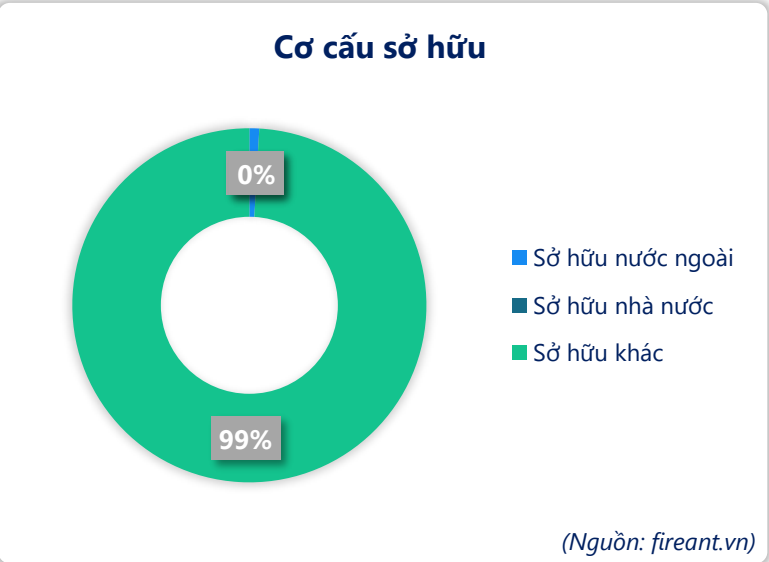
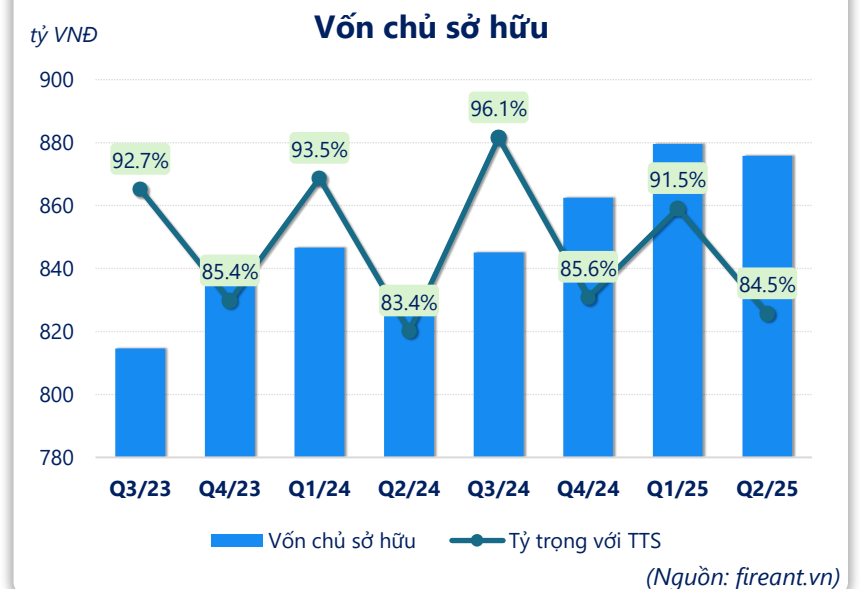
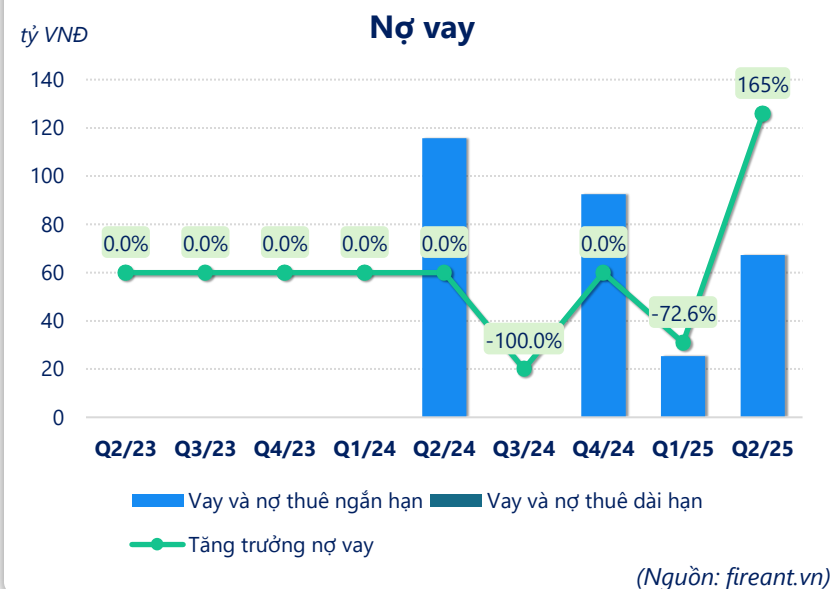
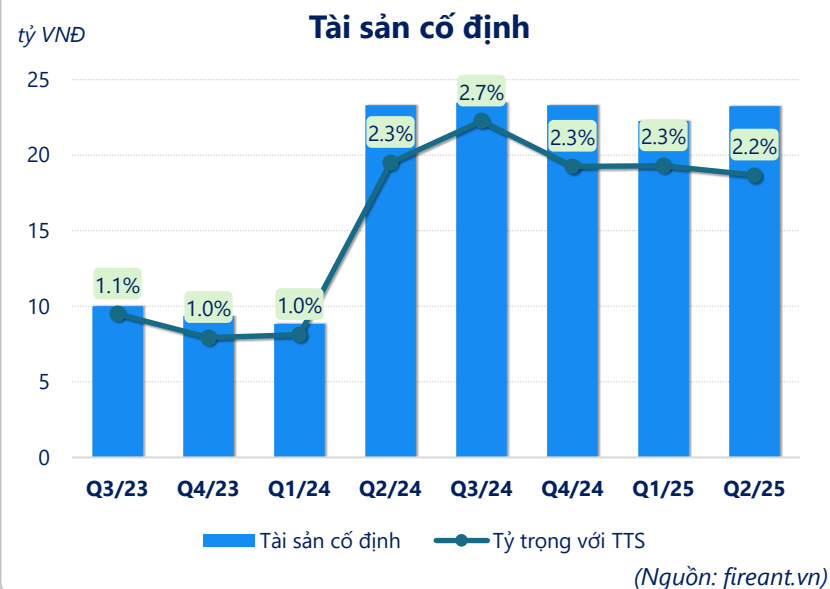
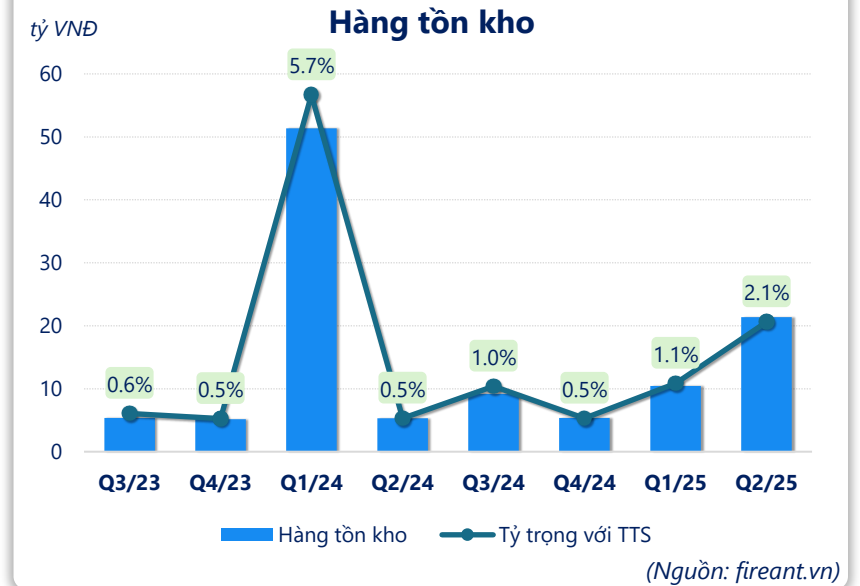
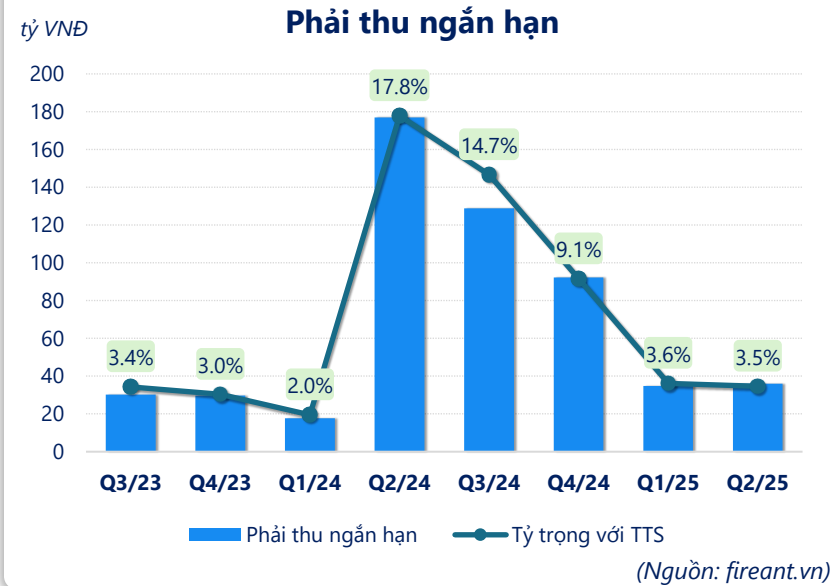
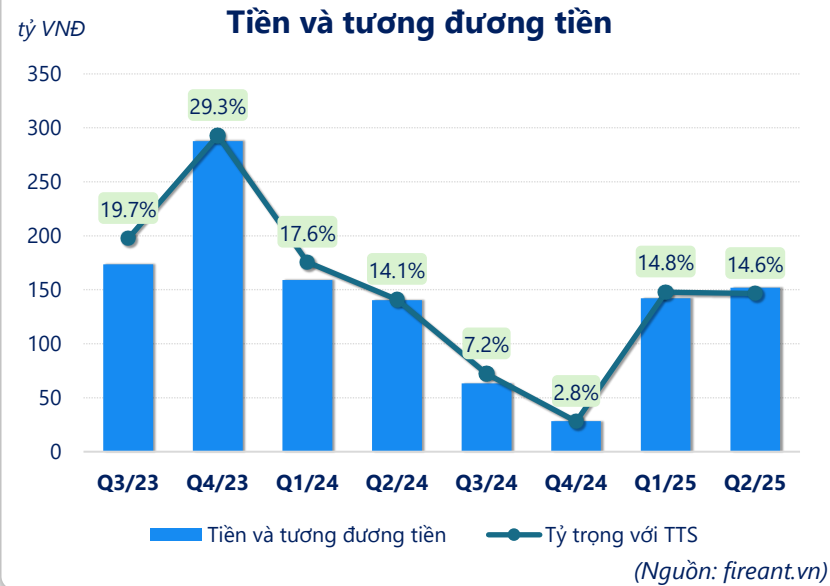
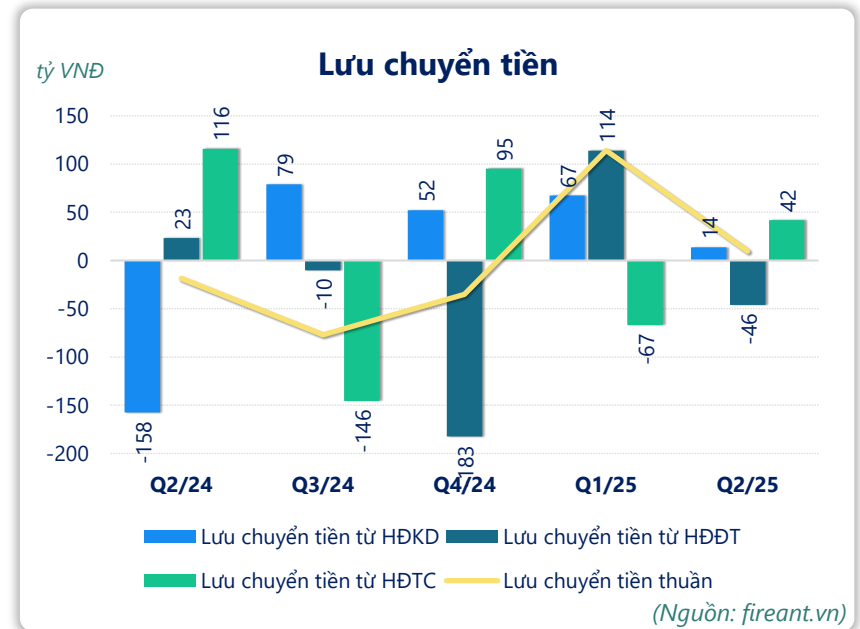
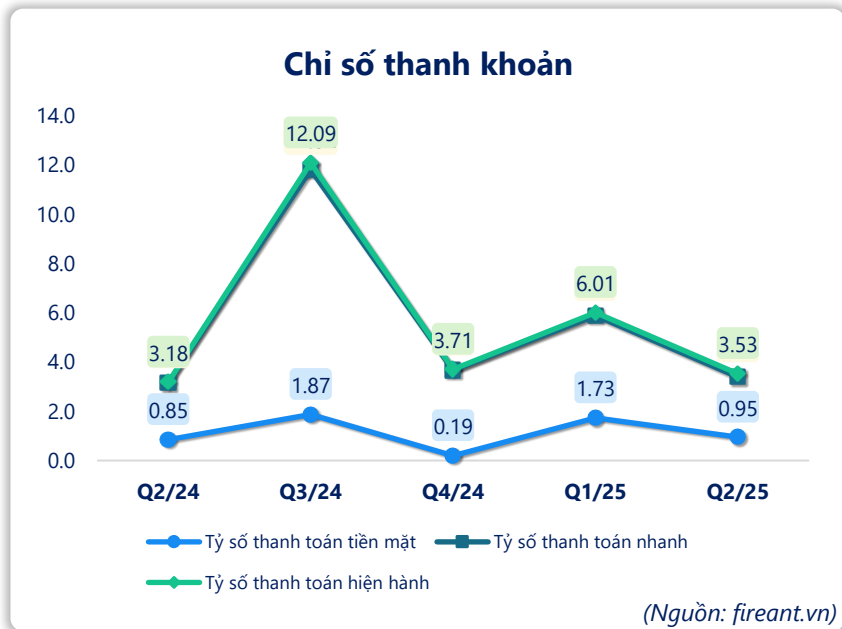
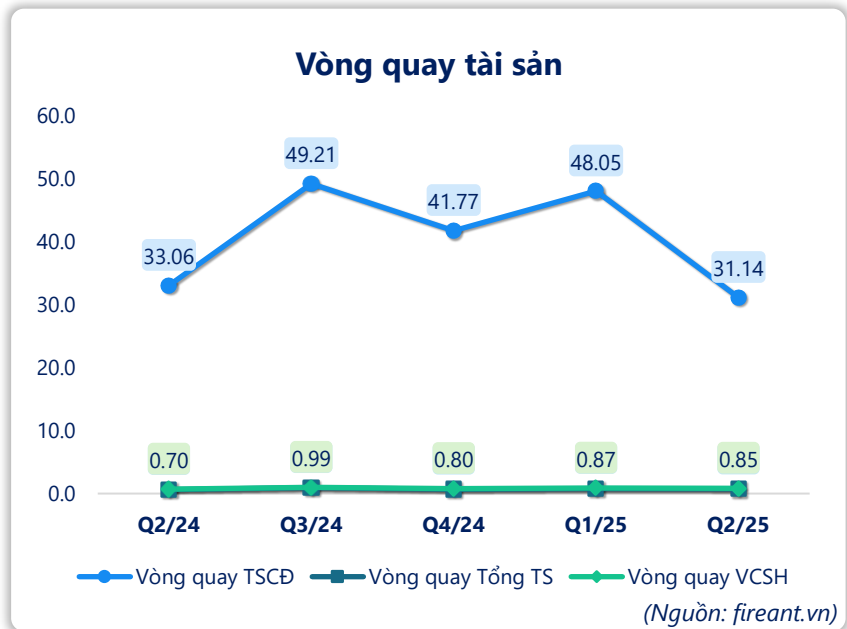
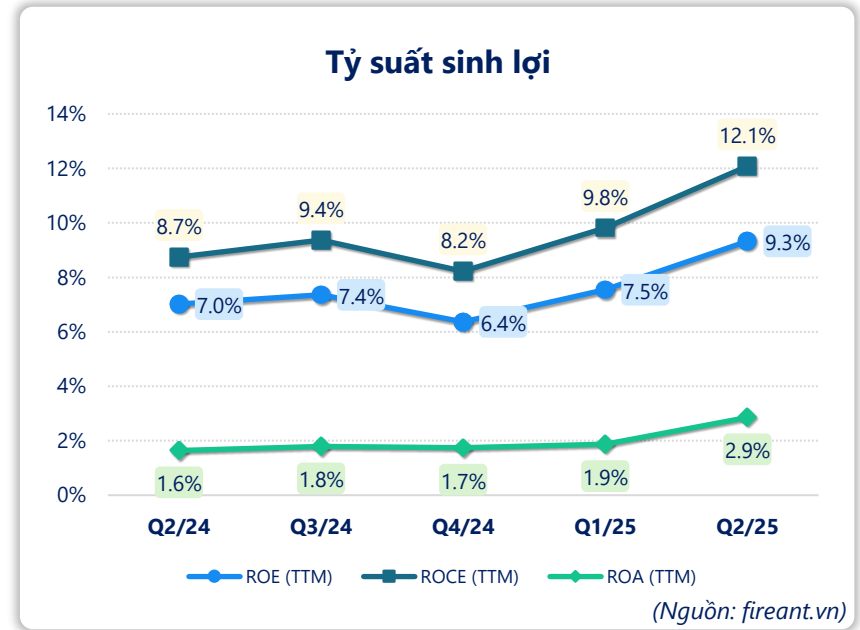
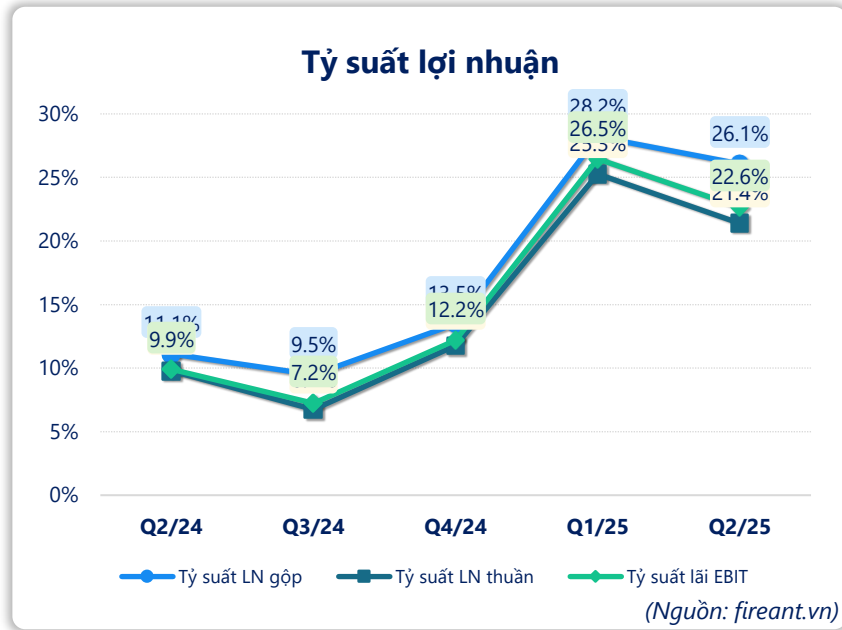
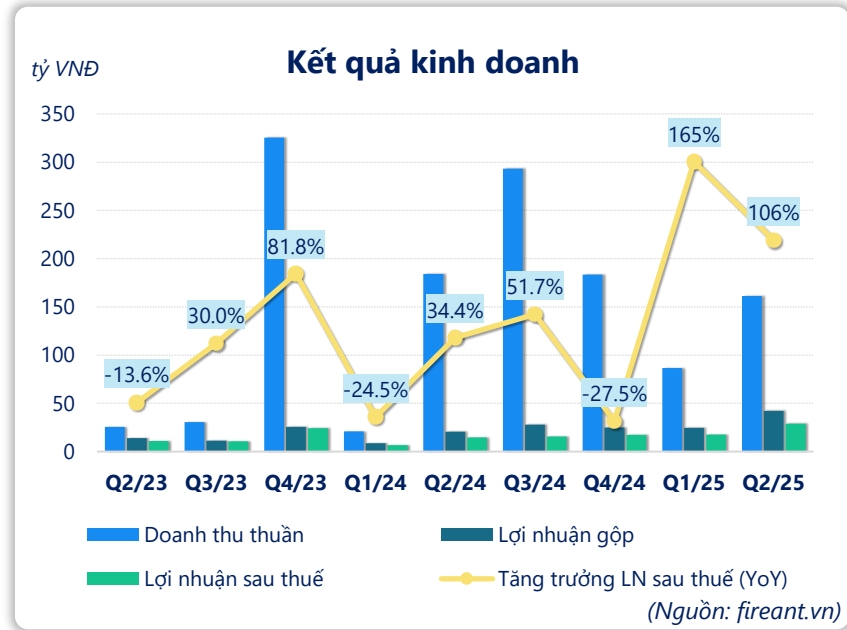


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,628
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,501
SL cổ phiếu LH		59,910,133
KLGD BQ 20 phiên (CP)		323,311
% sở hữu nước ngoài		0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		599
P/E		7.5
EPS		1,327

	YTD	1T	3T	6T
DXP	-9.2%	13.2%	-4.3%	-9.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,036	1,007	2.9%
Tài sản ngắn hạn	567	538	5.4%
Tiền và tương đương tiền	152	28.2	438%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	357	412	-13.3%
Phải thu ngắn hạn	35.9	92.2	-61.0%
Hàng tồn kho	21.4	5.35	299%
Tài sản ngắn hạn khác	0.81	0.38	114%
Tài sản dài hạn	470	469	0.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	23.2	23.3	-0.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.52	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	445	445	0.0%
Tài sản dài hạn khác	1.06	1.36	-21.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	161	145	10.8%
Nợ ngắn hạn	161	145	10.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	67.2	92.5	-27.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	20.2	36.5	-44.7%
Nợ dài hạn	0	0.05	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	876	862	1.6%
Vốn chủ sở hữu	876	862	1.6%
Vốn điều lệ	599	599	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	184	293	184	86.6	161
Giá vốn hàng bán	164	265	159	62.2	119
Lợi nhuận gộp	20.5	27.8	24.7	24.4	42.0
Doanh thu HĐTC	3.92	3.00	5.23	7.07	6.91
Chi phí TC	1.52	3.38	0.96	1.03	0.46
Chi phí lãi vay	0.18	1.49	0.76	1.03	0.46
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.07	3.64	3.47	4.10	8.36
Chi phí QLDN	4.78	3.99	3.96	4.48	5.64
LN thuần từ HĐKD	18.0	19.8	21.6	21.9	34.5
Lợi nhuận khác	0.00	-0.05	0.01	0	1.57
LN trước thuế	18.0	19.7	21.6	21.9	36.1
Lợi nhuận sau thuế	14.6	15.7	17.3	17.5	29.0
LNST của CĐ cty mẹ	14.6	15.7	17.3	17.5	29.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-158	78.9	52.1	67.3	13.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	23.2	-10.2	-183	114	-45.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	116	-146	95.2	-67.1	41.8
Tiền đầu kỳ	159	140	63.3	28.2	142
Lưu chuyển tiền thuần	-18.6	-77.0	-35.2	114	9.59
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	-0.01	0.01	0	0.01
Tiền cuối kỳ	140	63.3	28.2	142	152

(Nguồn: fireant.vn)